

BỘ TÀI CHÍNH  
Số: 3982/QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2007

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy chế kiểm tra và xử lý văn bản của Bộ Tài chính

#### BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 23/2003/NĐ-CP ngày 12/3/2003 của Chính phủ ban hành quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 122/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra, xử lý văn bản của Bộ Tài chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký, thay thế nội dung về kiểm tra văn bản quy định tại Quy chế soạn thảo, ban hành và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 1332/QĐ-BTC ngày 28/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Văn Tá

## QUY CHẾ

### Kiểm tra, xử lý văn bản của Bộ Tài chính

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3982/QĐ-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định trình tự, thủ tục kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, văn bản khác không phải là văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành theo thẩm quyền hoặc liên tịch ban hành; văn bản thuộc thẩm quyền ký, ban hành của Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ Tài chính (sau đây gọi là văn bản thuộc đối tượng tự kiểm tra); văn bản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành liên quan đến tài chính (sau đây gọi là văn bản thuộc đối tượng kiểm tra theo thẩm quyền).

2. Quy định kiểm tra thực hiện văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài chính.

#### Điều 2. Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra

1. Văn bản thuộc đối tượng tự kiểm tra, bao gồm:

a. Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành theo thẩm quyền hoặc liên tịch ban hành. Nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật liên tịch được kiểm tra là những quy định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

b. Văn bản do Bộ Tài chính ký ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

c. Văn bản thuộc thẩm quyền ký, ban hành của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính (sau đây gọi là văn bản do Thủ trưởng đơn vị ban hành).

2. Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra theo thẩm quyền bao gồm: Văn bản do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Bộ, ngành, địa phương) ban hành có quy định liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

3. Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra thực biện là văn bản quy định về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính bao gồm: Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ; Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Bộ Tài chính.

### **Điều 3. Trách nhiệm của các đơn vị trong công tác kiểm tra, xử lý văn bản**

#### **1. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ**

Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện các việc sau:

a. Kiểm tra các văn bản do đơn vị chủ trì soạn thảo trình Bộ ban hành hoặc liên tịch ban hành gồm: Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

b. Kiểm tra các văn bản nhận được theo chức năng quản lý của đơn vị do các Bộ, ngành, địa phương ban hành có liên quan đến tài chính.

c. Trình Bộ phương án xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật thuộc trách nhiệm kiểm tra quy định tại điểm a, điểm b Khoản 1 Điều này.

d. Kiểm tra, xử lý các văn bản do Thủ trưởng đơn vị ban hành.

đ. Kiểm tra thực hiện các văn bản thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của đơn vị.

#### **2. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế**

Vụ Pháp chế là đơn vị đầu mối, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính tổ chức công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định tại Quy chế này, có trách nhiệm:

a. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ kiểm tra văn bản cho các đơn vị thuộc Bộ.

- b. Tổng hợp trình Bộ Quyết định Danh mục văn bản kiểm tra thực hiện và tổ chức thực hiện Danh mục được phê duyệt.
- c. Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ kiểm tra, xử lý các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều này.
- d. Kiểm tra, trình Bộ phương án xử lý:
- Văn bản do đơn vị chủ trì soạn thảo trình Bộ ban hành hoặc liên tịch ban hành gồm: Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật.
  - Văn bản do các Bộ, ngành, địa phương ban hành có liên quan đến tài chính gửi đến Bộ Tài chính để kiểm tra theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 135/2003/NĐ-CP).
  - Văn bản có dấu hiệu trái pháp luật theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- đ. Kiểm tra, xử lý các văn bản do Thủ trưởng đơn vị ban hành và kiểm tra thực hiện các văn bản thuộc phạm vi, lĩnh vực được giao.
- e. Sơ kết, tổng kết, tổng hợp báo cáo công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định hiện hành.

## **Chương II**

### **KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN**

#### **Mục 1**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN**

##### **Điều 4. Mục đích kiểm tra văn bản**

Việc kiểm tra văn bản nhằm phát hiện những nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của văn bản để kịp thời đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc huỷ bỏ; đồng thời xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với các đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc tham mưu, đề xuất, soạn thảo và ban hành các văn bản có nội dung trái pháp luật.

## **Điều 5. Nguyên tắc kiểm tra, xử lý văn bản**

1. Công tác kiểm tra văn bản phải được tiến hành thường xuyên, kịp thời theo quy định của pháp luật về kiểm tra văn bản và Quy chế này.
2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Vụ Pháp chế với các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.
3. Biết xử lý văn bản trái pháp luật theo kết quả kiểm tra văn bản phải khách quan, toàn diện, kịp thời trên cơ sở làm rõ nguyên nhân vi phạm, gắn với việc khắc phục hậu quả do văn bản trái pháp luật gây ra.

## **Điều 6. Nội dung kiểm tra văn bản**

1. Đối với văn bản quy phạm pháp luật (thuộc đối tượng tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền) và văn bản do Bộ Tài chính ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật:

### **a. Kiểm tra căn cứ pháp lý ban hành văn bản**

- Căn cứ pháp lý là cơ sở ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản đó, bao gồm:

+ Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền quy định về vấn đề thuộc đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản.

+ Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ban hành văn bản.

### **b. Kiểm tra thẩm quyền ban hành văn bản**

Văn bản ban hành phải đúng thẩm quyền, gồm thẩm quyền về hình thức và thẩm quyền về nội dung, cụ thể:

- Thẩm quyền về hình thức: Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản chỉ được ban hành văn bản đúng hình thức (tên gọi) văn bản mà Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 6/5/2005 của Liên Bộ Nội Vụ, Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP) đã quy định cho cơ quan, người có thẩm quyền đó được ban hành.